

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Số bản án: **108/2018/DS-ST**

Ngày: 17/9/2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*
và *Tranh chấp hui*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Từ Xuân Tiếng.

Ông Nguyễn Văn Bé.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thành Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm.

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 208/2018/TLST-DS ngày 01/8/2018 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Tranh chấp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2018/QĐXXST-DS ngày 30/8/2018 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hoàng H, sinh năm 1980. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 282, tổ 3, ấp A, xã B, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1971. (Có mặt)

Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Số 232, tổ 4, ấp A, xã B, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ông Nguyễn Văn Đ ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Li tham gia tố tụng (Theo văn bản ủy quyền đề ngày 17/9/2018).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 23/7/2018; bản tự khai, biên bản hòa giải và tại tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoàng H trình bày:

Vào năm 2017, bà có tham gia chơi hui do bà Nguyễn Thị L làm chủ hui. Bà tham gia 06 dây hui trong đó có 04 dây hui 2.000.000đồng và 02 dây hui 5.000.000đồng. Đối với các dây hui 2.000.000đồng gồm: Dây thứ nhất khui ngày 10/01/2017 âm lịch bà tham gia 01 phần, bà đóng được 18 lần. Dây thứ hai khui ngày 10/7/2017 âm lịch bà tham gia 01 phần, bà đóng được 11 lần. Dây thứ ba khui ngày

25/12/2017 âm lịch bà tham gia 01 phần, bà đóng được 06 lần. Dây thứ tư khai ngày 25/4/2017 âm lịch bà tham gia 01 phần, bà đóng được 15 lần. Đối với các dây hội 5.000.000đồng gồm: Dây thứ nhất khai ngày 05/8/2017 âm lịch bà tham gia 01 phần, bà đóng được 10 lần. Dây thứ hai khai ngày 29/12/2017 âm lịch bà tham gia 01 phần, bà đóng được 06 lần. Tất cả các dây hội bà tham gia do bà L làm chủ bà không biết rõ có bao nhiêu hội viên tham gia cũng như những hội viên tham gia bao nhiêu phần trong các dây hội. Bà cũng không nhớ cụ thể số tiền mà các lần bà đóng cho phía bà L. Chỉ sau khi bà L tuyên bố vỡ hội thì bà L có tổng kết lại số tiền gốc mà bà đã đóng cho bà L đối với các dây hội bà tham gia là 93.300.000đồng vào ngày 10/7/2018 do bà L và ông Đ ký tên nhận nợ. Số tiền này là vẫn thấp hơn số tiền thực tế bà đã đóng cho bà L nhưng bà cũng đồng ý số tiền do bà L đưa ra. Sau đó bà L và ông Đ có trả cho bà được 4.000.000 đồng. Bà nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Đ trả cho bà số tiền nợ hội còn thiếu là 89.300.000đồng nhưng phía bà L và ông Đ chưa trả số tiền nói trên. Nay bà yêu cầu bà L và ông Đ có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền hội còn nợ là 89.300.000đồng, trả một lần, không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra ngày 12/3/2015 bà có cho bà Nguyễn Thị L vay số tiền 100.000.000đồng với mức lãi suất 3%/tháng, khi vay bà L có làm biên nhận và thỏa thuận miệng thời hạn vay là 12 tháng. Bà L đóng lãi được 2-3 tháng thì không đóng lãi cho đến nay. Bà nhiều lần yêu cầu bà L trả số tiền vay còn thiếu nhưng bà L không đồng ý trả. Nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị L và chồng là ông Nguyễn Văn Đ có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền gốc đã vay là 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng) trả một lần, không yêu cầu tính lãi.

Trong bản tự khai, biên bản hòa giải và tại tòa hôm nay bị đơn bà Nguyễn Thị L và cũng là người đại diện theo ủy quyền của ông Đ trình bày:

Bà thừa nhận bà có tổ chức chơi hội do bà làm chủ hội, bà H là hội viên có tham gia các dây hội như bà H trình bày và bà có vay tiền của bà H. Đối với hội: Bà thống nhất sau khi tổng kết nợ mà các dây hội bà H tham gia thì bà và ông Đ còn nợ bà H số tiền là 93.300.000đồng. Sau khi vỡ hội, bà có làm giấy tổng kết hội và giao cho bà H, sau đó bà có trả cho bà H được 4.000.000 đồng. Theo yêu cầu của bà H thì bà và ông Đ thống nhất số tiền hội còn nợ bà H là 89.300.000đồng, bà và ông Đ cũng đồng ý trả cho bà H số tiền 89.300.000 đồng nhưng xin trả trước cho bà H số tiền 30.000.000 đồng sau khi bà và ông Đ bán đất còn lại bà và ông Đ trả dần cho đến khi hết nợ nhưng bà không xác định được hàng tháng sẽ trả cho bà H số tiền là bao nhiêu. Đối với số tiền vay thì ngày 12/3/2015 bà có vay của bà H số tiền 150.000.000đồng, lãi suất 3%/tháng, hàng tháng đóng lãi cho bà H là 4.500.000 đồng, việc đóng lãi này không có giấy tờ. Đến tháng 4/2018 bà trả cho bà H được 50.000.000đồng và ngưng đóng lãi cho bà H đến hôm nay. Sau khi trả trước 50.000.000đồng cho bà H thì bà có làm lại giấy vay ghi ngày cũ là do để bà nhớ ngày vay tiền của bà H. Số tiền 150.000.000 trước đó bà vay mục đích là đắp qua để chi trả cho các phần hội khác do bà làm chủ. Bà L cho rằng số tiền 100.000.000đồng bà đồng ý một mình bà trả cho bà L không liên quan đến ông Đ, bà xin trả dần số nợ này nhưng không xác định sẽ trả hàng tháng cho bà H là bao nhiêu. Bà cũng không có yêu cầu tính lãi lại đối với số tiền lãi đã đóng cho bà H từ năm 2015 cho đến tháng 4/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Văn Đ đều vắng mặt dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông Đ các thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và tại phiên tòa hôm nay ông Đ có làm giấy ủy quyền cho bà L tham gia tố tụng.

[2] Nội dung vụ án:

Về việc tranh chấp hui: Bà Nguyễn Thị Hoàng H khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Đ có trách nhiệm liên đới trả cho bà H số tiền hui còn thiếu của 06 dây hui mà bà L làm chủ, bà H là hui viên với tổng số tiền là 93.300.000đồng (các phần hui mà bà L đã trình bày và liệt kê và phía bà L đồng ý thống nhất), không yêu cầu tính lãi. Phía bà L cũng thừa nhận vợ chồng bà còn nợ bà H số tiền hui là 93.300.000đồng, đây là số tiền do bà L kết nợ sau khi vỡ hui và có viết giấy nhận nợ do bà L và ông Đ ký tên. Sau đó vợ chồng bà L và ông Đ đã trả cho bà H số tiền 4.000.000 đồng, do đó hai bên đương sự đã thống nhất về số nợ mà bà L và ông Đ còn thiếu bà H là 89.300.000đồng nhưng chưa thống nhất với nhau về phương thức trả. Phía bà H yêu cầu bà L và ông Đ trả số nợ hui trên làm một lần, về phía bà L chỉ đồng ý trả cho bà H trước số tiền 30.000.000đồng sau khi bán đất còn lại sẽ trả dần cho đến khi hết nợ nhưng không xác định sẽ trả hàng tháng cho bà H là bao nhiêu, phía bà H không đồng ý với lời đề nghị của bà L. Hội đồng xét xử thấy rằng các dây hui bà H tham gia do bà L làm chủ tuy chưa kết thúc nhưng phía bà L đã tuyên bố vỡ hui (mất khả năng chi trả) từ tháng 4/2018 cho đến ngày 10/7/2018 bà L và ông Đ mới làm giấy xác nhận nợ, sau đó bà H yêu cầu bà L và ông Đ trả số nợ hui nói trên và khởi kiện tại Tòa án nhưng cho đến nay bà L và ông Đ chưa trả cho bà H. Do đó Hội đồng xét xử thấy rằng việc yêu cầu đòi nợ của bà H đối với bà L và ông Đ đối với số tiền hui còn thiếu là 89.300.000 đồng và yêu cầu trả một lần là có căn cứ nên được chấp nhận. Không chấp nhận yêu cầu xin trả dần của bà L và ông Đ.

Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản: Bà Nguyễn Thị Hoàng H khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Đ có trách nhiệm liên đới trả cho bà H số tiền vay là 100.000.000 đồng theo hợp đồng vay ngày 12/3/2015 làm một lần, không yêu cầu tính lãi. Về phía bà L thừa nhận có vay của bà H số tiền 150.000.000 đồng cũng vào ngày 12/3/2015 sau đó bà đã trả cho bà H được 50.000.000 đồng còn lại 100.000.000 đồng vào khoảng tháng 4/2018 và ghi lại giấy nhận nợ cũng theo ngày 12/3/2015. Bà L chỉ đồng ý một mình trả cho bà H số tiền 100.000.000 đồng vì số tiền này bà vay của bà H không liên quan đến ông Đ. Bà L xin trả dần số nợ này nhưng không xác định sẽ trả hàng tháng là bao nhiêu. Bà H không chấp nhận yêu cầu xin trả dần của bà L.

[3] Xét thấy giữa bà Nguyễn Thị Hoàng H và bà Nguyễn Thị L đã thống nhất với số tiền vay và cho vay còn lại là 100.000.000 đồng nhưng không thống nhất với nhau

về phương thức trả nợ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng giữa các đương sự có làm giấy nợ viết tay nhưng không ghi rõ thời hạn trả nợ. Nhưng phía bà H đã nhiều lần yêu cầu bà L thanh toán hợp đồng vay nói trên nhưng bà L không thực hiện, bà H đã khởi kiện bà L tại Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm nhưng cho đến nay bà L cũng không thực hiện là vi phạm hợp đồng. Do đó, bà H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm buộc bà L phải trả cho bà H số tiền nợ vay còn thiếu là 100.000.000 đồng là có cơ sở. Xét trong quá trình vay bà L đã vi phạm hợp đồng, vì vậy chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu bà L thanh toán hợp đồng vay nói trên.

Bà Nguyễn Thị L cho rằng hợp đồng vay giữa bà và bà Nguyễn Thị Hoàng H không liên quan đến ông Nguyễn Văn Đ. Nhưng bà L trình bày khi vay tiền của bà H nhằm mục đích trang trải cho các khoảng hui mà bà L làm chủ và mục đích chơi hui để trang trải cuộc sống trong gia đình. Hội đồng xét xử xác định khoảng vay giữa bà L và bà H có trách nhiệm liên đới của ông Đ. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H buộc bà L và ông Đ cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà H khoản nợ vay là 100.000.000 đồng.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu đòi nợ của bà Nguyễn Thị Hoàng H đối với bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Đ. Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Đ có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Hoàng H tổng số tiền 189.300.000 đồng (Trong đó tiền hui là 89.300.000 đồng và tiền vay là 100.000.000 đồng).

[4] Về lãi suất: Do bà Nguyễn Thị Hoàng H không yêu cầu tính lãi đối với số tiền hui và vay mà bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Đ còn nợ nên không phải xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà H được chấp nhận nên bà L và ông Đ phải chịu án phí theo quy định là 9.465.000 đồng ($189.300.000 \text{ đồng} \times 5\% = 9.465.000 \text{ đồng}$).

Bà H không phải chịu án phí sơ thẩm về tranh chấp hợp đồng vay và hui. Hoàn trả cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 280, 357, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hui, họ, biêu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử:

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hoàng H đối với bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Đ về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Hoàng H số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

[3] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hoàng H đối với bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Đ về việc "Tranh chấp hụi".

Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Hoàng H số tiền 89.300.000 đồng (Tám mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng).

Tổng số tiền bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Đ phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Hoàng H là 189.300.000 đồng (Trong đó tiền hụi là 89.3000.000 đồng và tiền vay là 100.000.000 đồng).

[4] Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, khi bà Nguyễn Thị Hoàng H có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Đ chưa trả số tiền như án tuyên, thì ngoài việc phải trả còn phải chịu thêm phần lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành xong.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ liên đới phải chịu số tiền 9.465.000 đồng (Chín triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hoàng H được chấp nhận toàn bộ nên bà H không phải chịu án phí. Hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Hoàng H đã nộp là 4.832.500 đồng (Bốn triệu tám trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số: 0018371 ngày 01/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

[7] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
ĐÃ KÝ

Phạm Minh Tâm